

THƠ NÔM ĐƯỜNG LUẬT

TỰ TÌNH

Hồ Xuân Hương

GV: NGÔ THỊ THU THỦY

TÁC GIẢ HỒ XUÂN HƯƠNG

- Sống vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX, quê ở Nghệ An
- Xuất thân trong gia đình nhà Nho
- Tính cách phóng khoáng, phong lưu; giao thiệp với nhiều tài tử văn nhân
- Tình duyên lận đận, hai lần kết hôn đều phải làm lẽ
- Tài nữ, kì nữ xuất chúng, hiện tượng độc đáo thời phong kiến Việt Nam; đương thời chịu nhiều điều tiếng về đời tư.
- “Bà Chúa thơ Nôm” với giọng thơ trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất liệu văn học dân gian
- Nhà thơ nữ viết về phụ nữ với sự thương cảm, khẳng định vẻ đẹp và đề cao khát vọng hạnh phúc của họ.

THỂ THƠ

- Một thể thơ sáng tạo giàu tính dân tộc, sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ và cả hình tượng nghệ thuật đậm đà chất liệu dân gian.
- Sự kết hợp hài hòa giữa “yếu tố Nôm” và “yếu tố Đường luật”: tiếng nói dân tộc trong cấu trúc thơ thời Đường.
- Người có công lớn đầu tiên xây dựng một lối thơ riêng của Việt Nam – thơ Nôm Đường luật là Nguyễn Trãi và về sau Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương là những người có công khiến thơ Nôm Đường luật đạt đến độ uyển chuyển tinh tế và phong phú biểu đạt.

BỐI CẢNH RA ĐỜI BÀI THƠ

- Xã hội phong kiến Việt Nam thế kỉ XVIII khủng hoảng và suy thoái
- Tư tưởng Nho giáo bảo thủ ăn sâu và đè nén đời sống tinh thần con người, nhất là phụ nữ
- Người phụ nữ bị ràng buộc bởi những sợi dây lễ giáo vô hình, cuộc đời họ bị trói chặt trong bốn phận và hi sinh. Khát vọng tình yêu và hạnh phúc ở người phụ nữ bị phớt lờ
- Văn học chữ Hán suy yếu, văn học chữ Nôm và thơ ca dân gian phát triển mạnh
- Hồ Xuân Hương tuy tính cách mạnh mẽ, bướng bỉnh nhưng cũng phải cam chịu số phận làm vợ lẽ
- Bài thơ nằm trong chùm thơ Tự Tình gồm 3 bài

TỰ TÌNH (II)



Đêm khuya vắng vắng trống canh dồn,

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu hương đưa, say lại tỉnh

Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con.

1. Hai câu đề

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn
Trơ cái hồng nhan với nước non*

* Bối cảnh:

- Âm thanh: tiếng trống canh dồn dập
- Thời gian: đêm khuya
- Không gian nước non: trống vắng, rộng lớn

Không gian thời gian nghệ thuật đặc sắc gợi bước đi gấp gáp, thôi thúc vô tình của thời gian

* Tâm trạng nhân vật trữ tình:

- + “trơ” - trơ trọi, lẻ loi, cô đơn
- + Cái hồng nhan: mĩ mai giầu cột phận đàn bà
- Đối lập: cái hồng nhan >< nước non
- Nghệ thuật đảo ngữ + tiểu đối + nhịp thơ 1/3/3

thể hiện tính cách bướng bỉnh, thái độ thách thức cuộc đời

=> Hai câu thơ gợi lên nỗi lòng cô đơn nhưng không mềm yếu của nhân vật trữ tình trong cảnh ngộ thiếu vắng sự đồng cảm, tri âm.

2. Hai câu thực

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn*

* Hoạt động của nhân vật trữ tình:

- + Uống rượu
- + Ngắm trăng

Một mình, không có tri âm tri kỉ cùng đối ẩm, thưởng nguyệt.

* Sự tự nhận thức của nhân vật trữ tình về cảnh ngộ của bản thân:

- + hương đưa
- + say lại tỉnh

- Chơi chữ, một mình uống rượu, mượn rượu giải sầu nhưng càng uống càng tỉnh, tỉnh ra càng buồn
- Tâm trạng lữ quán, bế tắc.

- + bóng xế
- + khuyết chưa tròn

- Hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng đến Tuổi xuân sắp qua mà duyên phận chưa tròn vẹn
- Cảnh ngộ dở dang, muộn màng

Nỗi đau duyên phận của Hồ Xuân Hương

c. Hai câu luận

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn

- Biện pháp nghệ thuật : đảo ngữ

- **Hình ảnh thiên nhiên:**

+ *rêu* (mềm yếu)

+ *đá* (tĩnh tại)

- **Động từ mạnh :**

+ Xiên ngang mặt đất

+ Đâm toạc chân mây

> Mượn hình ảnh thiên nhiên để nói lên sự phản kháng đối với những trói buộc của cảnh ngộ.

⇒ **Sự phẫn uất, phản kháng, vùng lên của thân phận. Bản lĩnh
mãnh mẽ không chấp nhận hoàn cảnh, số phận**

4. Hai câu kết

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con

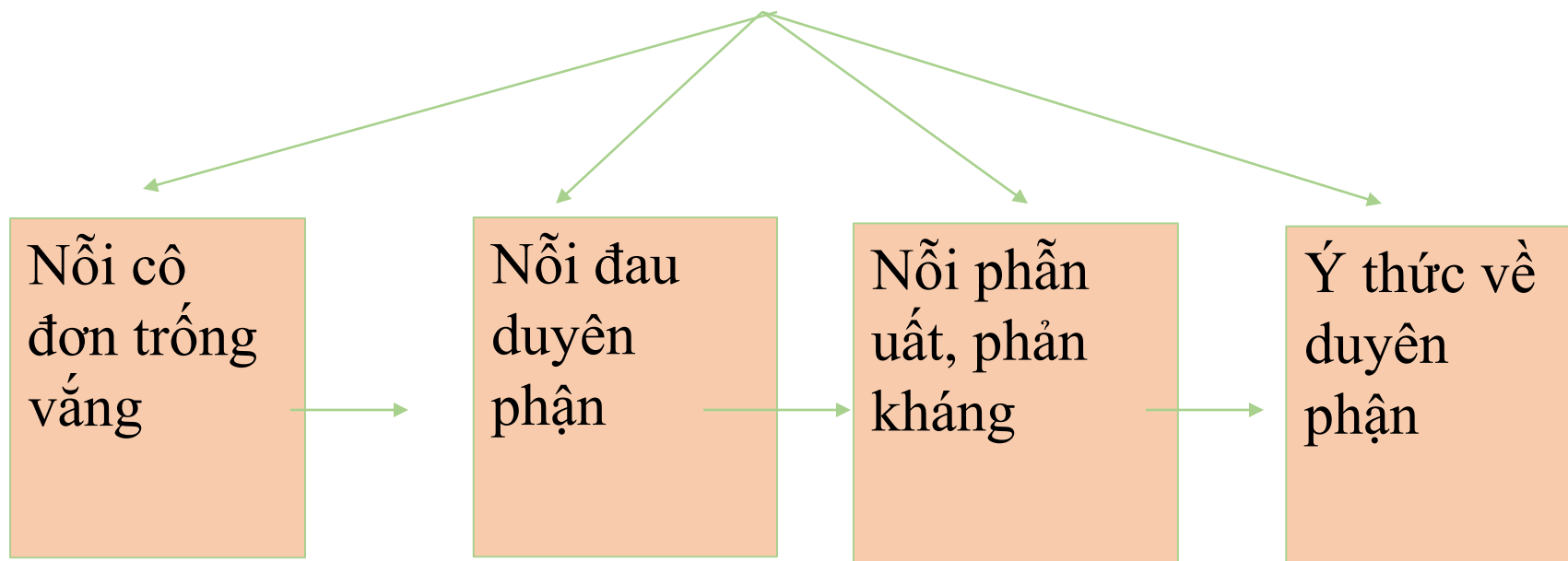
- Tâm trạng: *ngán*- ngao ngán, chán chường cho số phận của mình
- Nghệ thuật:
 - + điệp từ: *xuân, lại*
 - + tăng tiến: *mảnh tình – san sẻ - tí con con*
 - + cách ngắt nhịp: 2/ 2/1/ 2 (câu cuối)

Chơi chữ độc đáo

Tâm trạng chán chường buồn tủi của người phụ nữ gập trặc trở éo le trong tình duyên

Củng cố

Lời bày tỏ của Hồ Xuân Hương



Khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ trong cảnh ngộ bi kịch
Tài năng, bản lĩnh – cái tôi trữ tình Hồ Xuân Hương

kết

```
graph TD; A[kết] --> B[Nội dung]; A --> C[Nghệ thuật]; B --> D[Lịch sử văn học]; B --> E[Khát vọng hạnh phúc]; B --> F[Người phụ nữ]; B --> G[Xã hội xưa]; C --> H[Lên án xã hội phong kiến]; C --> I[Ngôn ngữ giản dị, đặc sắc, đậm đà sắc thái dân tộc và văn hóa dân gian]; C --> J[Hình ảnh giàu sức gợi cảm, diễn tả tế, phong phú nội tâm nhân vật];
```

Nội dung

Lịch sử văn học
Khát vọng
hạnh phúc
Người phụ nữ
Xã hội xưa

Lên án xã hội
phong kiến.

Ngôn ngữ giản dị,
đặc sắc, đậm đà
sắc thái dân tộc và
văn hóa dân gian.

Hình ảnh giàu sức
gợi cảm, diễn tả
tế, phong phú nội
tâm nhân vật.

Nghệ thuật

THƯƠNG VỢ



Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo xèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ, âu đành phận
Năm nắng mười mưa, dám quản công
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc!
Có chồng hờ hững cũng như không!



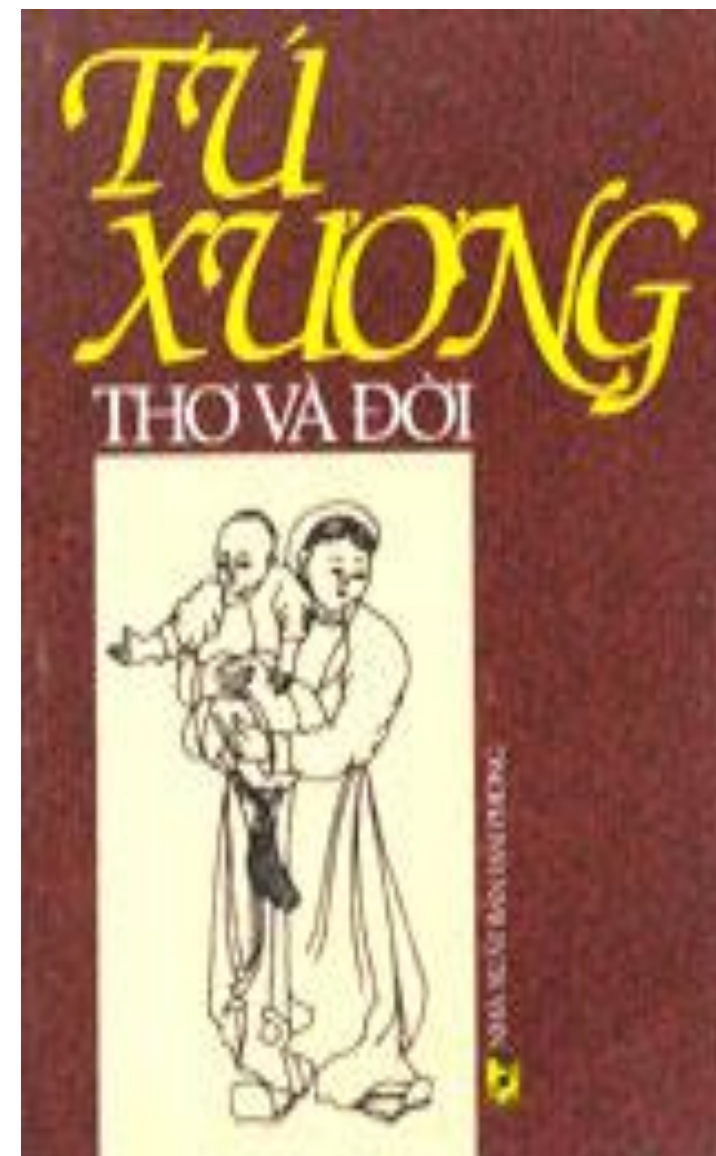
TRẦN TẾ XƯƠNG

1. Tác giả Trần Tế Xương (1870 - 1907)

- Tên thật là Trần Duy Uyên, thường gọi Tú Xương.
- *Quê quán*: Vị Xuyên, Nam Định.
- *Thời đại*: XHPK đang chuyển dần thành XHTD nửa PK
- *Bản thân*: lận đận trong thi cử
- *Con người*: cá tính, phóng túng, ngang tàng.



- *Sáng tác*: Khoảng 100 bài thơ Nôm và 1 số bài văn tế, phú, câu đối...
- Ông sở trường về thơ trào phúng.
- Tiếng cười trong thơ TX: Châm biếm, đả kích, tự trào tha thiết.
- Thơ Tú Xương trở thành đặc sản của người dân Nam Định.



2. Bài thơ Thương vợ

- Bà Tú trở thành đề tài độc đáo trong thơ Tú Xương
 - + Bà Tú tên là Trần Thị Mẫn
 - + Quê quán: Hải Dương
 - + Sinh ra trong gia đình gia giáo.
 - + Bà buôn bán gạo để nuôi chồng, con
- “Thương vợ” là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật, tiêu biểu Tú Xương viết về bà Tú



Câu hỏi thảo luận

1. Công việc của bà Tú được giới thiệu ở hai câu đầu như thế nào?
2. Cảnh làm ăn của bà Tú được miêu tả như thế nào?
3. Câu 5 – 6 nói lên đức tính gì của Bà Tú?
4. Ý nghĩa của tiếng chửi ở hai câu kết? Qua đó cho thấy ông Tú là người như thế nào?



a. Hai câu đề

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng



- Thời gian: “*Quanh năm*” tuần hoàn, vô hạn không được nghỉ.
- Công việc: “*Buôn bán*” vất vả, cơ cực, bấp bênh
- Địa điểm: “*Mom sông*” nơi gập ghềnh, chênh vênh, nguy hiểm.
- Nuôi đủ: không thiếu không thừa
- Tú Xương chế giễu bản thân, tự coi mình là kẻ ăn bám, ngang hàng với lũ con.

**Công việc mưu sinh
vất vả, lam lũ**

**Gánh nặng gia đình
đè nặng lên vai bà Tú**

**Sự đảm đang, tháo vát, chu đáo của bà Tú và lòng biết ơn
chân thành; sự ăn năn, day dứt của ông Tú.**

b. Hai câu thực

Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông



- Nghệ thuật đảo ngữ
 - + từ láy tượng hình “*lặn lội*” nổi vất vả, lam lũ, bươn trải, tần tảo.
 - + từ láy tượng thanh “*eo sèo*” âm thanh ồn ào, hỗn độn, cãi vã tranh mua- bán.
- Ẩn dụ “*Thân cò*”: thân phận nhỏ bé, hẩm hiu, tội nghiệp của người phụ nữ.

Sự khó khăn, phức tạp, gian truân trong công việc của bà Tú.

“*Khi quãng vắng*”
vắng vẻ, đầy bất trắc, nguy hiểm.



“*buổi đò đông*”
sự chen lấn, nguy hiểm.

Sự tần tảo, đảm đang, tháo vát, chịu thương chịu khó của bà Tú và sự lo lắng, xót thương của ông Tú.

c. Hai câu luận

*Một duyên hai nợ âu đành phận
Năm nắng mười mưa dám quản công*

- Thành ngữ + số đếm tăng cấp:

- + “*Một duyên hai nợ*”: Duyên vợ - chồng, Nợ chồng – con
- + “*Năm nắng mười mưa*”: sự vất vả, cơ cực, nhọc nhằn.

- Thái độ của bà Tú:

- + “*Âu đành phận*”: sự cam chịu, chấp nhận.
- + “*Dám quản công*”: không tiếc công sức, dám chịu đựng, dám hi sinh.

Nghệ thuật đối

Bà Tú luôn nhẫn nhịn âm thầm, hết lòng vì chồng vì con. Bà chính là hình ảnh tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam.



d. Hai câu kết

*Cha mẹ thói đời ăn ở bạc
Có chồng hờ hững cũng như không*



- Khẩu ngữ: “*cha mẹ thói đời*” chửi thói đời bạc bẽo, đen bạc
- Láy từ: “*hờ hững*” chê trách sự vô dụng, vô tích sự của bản thân mình
- ***Ý nghĩa tiếng chửi:***
 - + Tự trách mình kẻ “ăn ở bạc”, “hờ hững”, vô trách nhiệm, vô tích sự.
 - + Chửi thói đời vợ phải có trách nhiệm nuôi chồng ăn học, là nguyên nhân gây nên nỗi khổ của bà Tú.

Bi kịch của Tú Xương và tấm lòng yêu thương sâu sắc, biết ơn chân thành, cảm thông của ông tú dành cho vợ.

Tổng kết

Nội dung

Hình ảnh bà Tú:

- Tàn tảo, chịu thương chịu khó.
- Yêu chồng, thương con
- Giàu đức hi sinh, vị tha
- Tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam

Cảm thông, thấu hiểu

- Yêu thương, quý trọng, biết ơn.

Nhân cách cao đẹp của Tú Xương

Tiêu biểu cho một bộ phận trí thức đương thời

Nghệ thuật

- Sử dụng tiếng Việt giản dị, tự nhiên, giàu sức biểu cảm.
- Nghệ thuật đối, phép đảo ngữ.
- Vận dụng sáng tạo hình ảnh VHDG và ngôn ngữ bình dân.
- Sự kết hợp giữa giọng điệu trữ tình và tự trào.

SO SÁNH ĐỂ THẤY ĐIỂM GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG TÍNH CÁCH VÀ SỐ PHẬN CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ BÀ TÚ

- Giống nhau:

-

-

Khác nhau:

Hồ Xuân Hương

-
-
-
-
-

Bà Tú

-
-
-
-
-



CÂU CÁ MÙA THU

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

NGUYỄN KHUYẾN



Nguyễn Khuyến (1835- 1909)



- Trí thức tài năng (ba lần đỗ đầu- Trạng Nguyên)
- Lòng yêu nước thương dân mạnh mẽ, quyết không hợp tác với chính quyền thực dân Pháp
- Sống cuộc đời thanh bạch, đầy khí tiết ở quê nhà
- Để lại di sản văn học hơn 800 bài thơ (chữ Hán và chữ Nôm) làng cảnh và trào phúng.
- Là người đem đến cho thơ Nôm diện mạo hoàn chỉnh, phong phú với vẻ đẹp tinh tế của ngôn ngữ thơ ca tiếng Việt.
- Bài thơ Thu điếu (câu cá mùa thu) nằm trong chùm thơ thu nổi tiếng, đề tài mùa thu quen thuộc trong thơ ca phương Đông.



1. Cảnh thu

- Điểm nhìn: ao thu lạnh lẽo
- Cảnh thu:



- + Sóng gợn rất nhẹ
- + Lá vàng rụng bay theo gió
- + Bầu trời mùa thu xanh ngắt
- + Ngõ trúc quanh co vắng vẻ

Màu xanh của trời nước, thiên nhiên hài hòa với màu vàng điểm xuyết của lá

- Âm thanh: gợn- gió nhẹ- lá rụng khẽ đưa- ngõ vắng: cảnh vật yên tĩnh
- Cách gieo vần eo: gây ấn tượng về sự vắng lặng



> **Cảnh thu trong trẻo, tĩnh lặng và buồn, gợi nỗi niềm sâu kín**



2. Tình thu

- Cảnh thi nhân ngồi câu cá

- + chiếc thuyền câu – bé tẻo teo: hình ảnh con thuyền nhỏ bé trong không gian trời nước rộng lớn
- + tựa gối ôm cần- lâu chẳng được: người đi câu tĩnh lặng, kiên nhẫn, nhàn nhã
- + cá đâu đớp động - lẩy động tả tĩnh: âm thanh sống động nhưng mơ hồ, hư thực

> **Đi câu chỉ là cái cớ để thi nhân đón nhận cảnh thu vào lòng**

- Tâm trạng thi nhân:

- + băng khuâng, buồn vắng, cô đơn;
- + ẩn chứa tâm sự thời thế

> **Nỗi niềm yêu nước kín đáo**





3. Tổng kết

Nội dung

- Cảnh làng quê yên ả, sinh động
- Tấm lòng gắn bó với quê hương



Nghệ thuật

- Ngôn ngữ giản dị, tinh tế
- Bút pháp tả cảnh ngụ tình

